

Số: 12.02 -2025/CV-HATS
No. 12.02-2025/CV-HATS

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2025
Hanoi, 21 February 2025

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD NĂM 2024
EXPLANATION OF DIFFERENCE IN BUSINESS RESULTS OF YEAR 2024

Kính gửi/Dear:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước
- State Securities Commission of Vietnam
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Listed organization: Hai An Transport and Stevedoring JSC

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội.

Address: 7th floor, No.45, Trieu Viet Vuong Str., Nguyen Du Wd., Hai Ba Trung Dis.,
Hanoi City

Mã chứng khoán: HAH

Securities code: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 05/07/2024.

Business Registration Certificate np. 0103818809 granted by Hanoi Authority for Planning and Investment, the 1st registration dated 08 May 2009, the 17th amendment registration dated 05 July 2024.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh năm 2024 biến động tăng/giảm hơn 10% so với năm 2023 như sau:

We would like to explain the business results of year 2024, which increased/decreased by more than 10% compared to year 2023 as follows:

Nội dung/ Content	Đơn vị tính/ Unit	Năm 2024 Year 2024	Năm 2023 Year 2023	Chênh lệch tăng/giảm Increase/Decrease
BCTC công ty mẹ/ FS of Holding Company				
- Doanh thu thuần/ Net revenue	đồng/ VND	1,571,067,708,425	1,174,995,065,493	33.71%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ/ Profit after tax	đồng/ VND	499,392,809,824	419,595,688,524	19.02%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD năm nay tăng 19.02% so với năm trước/ Reasons leading to 19.02% increase in business results of the current year compared to previous year:



+ Thêm 04 tàu vào khai thác sử dụng (Alfa, Beta, Opus, Gama), sản lượng vận tải và giá cước vận tải năm nay tăng dẫn đến doanh thu và lợi nhuận hoạt động khai thác tàu tăng mạnh. Số tàu cho thuê và giá cước cho thuê tàu tăng/ *With 4 more vessels put into operation (Alfa, Beta, Opus, Gama), the transport output and freight rates in the current year increased, leading to a sharp increase in revenue and profit from vessel operations. The number of vessel for lease and the charter rates all increased.*

+ Kết quả kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết đều tăng so với năm trước/ *The business results of subsidiaries and associates all increased compared to the last year.*

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

We guarantee that the information explained in this report is accurate and commit to comply with the provisions of the law on securities and the securities market.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above;*
 - Lưu: HC, QHCD/ *Filed in Ad.*
- & IR

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JSC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Tuấn





BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	13 - 45



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh từ lần thứ 1 đến lần thứ 17 về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn, thay đổi vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Lê Anh Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 20 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Quang Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 9 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 6 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Ngày 15 tháng 02 năm 2025

Số: 2.0057/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.086.628.479.223	1.236.175.555.108
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	589.817.476.977	131.305.891.161
1. Tiền	111		259.817.476.977	49.155.891.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		330.000.000.000	82.150.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.500.000.000	36.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27.500.000.000	36.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.628.080.134	914.185.936.475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	165.462.730.292	154.623.576.319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.165.161.294	435.674.604.499
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	38.000.000.000	58.600.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	139.000.188.548	265.452.589.269
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(38.000.000.000)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		21.993.464.669	29.016.455.017
1. Hàng tồn kho	141	V.8	21.993.464.669	29.016.455.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		136.689.457.443	125.167.272.455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	13.105.073.337	9.175.487.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.584.384.106	115.991.784.912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.749.872.162.369	2.970.356.124.497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.843.150.000	187.157.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	-	36.314.550.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	150.843.150.000	150.843.150.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.132.476.626.342	2.440.919.589.423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4.129.171.449.977	2.438.789.936.808
<i>Nguyên giá</i>	222		5.297.376.741.103	3.317.893.545.706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.168.205.291.126)	(879.103.608.898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	3.305.176.365	2.129.652.615
<i>Nguyên giá</i>	228		8.316.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.011.148.871)	(4.411.672.621)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		119.691.000	11.988.744.472
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	119.691.000	11.988.744.472
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	419.078.791.894	269.671.693.766
1. Đầu tư vào công ty con	251		418.562.476.376	294.138.800.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(978.550.982)	(25.961.972.734)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		47.353.903.133	60.618.396.836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	47.353.903.133	60.618.396.836
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.836.500.641.592	4.206.531.679.605

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.077.050.953.159	1.911.969.800.996
I. Nợ ngắn hạn	310		797.964.807.412	629.310.598.700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.966.546.880	37.384.675.662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	88.763.042.353	81.509.870.607
4. Phải trả người lao động	314		8.968.507.109	7.235.554.326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	26.142.161.255	5.666.241.315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	13.542.045.963	3.061.635.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	147.882.270.253	170.236.614.439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	381.587.350.174	238.960.019.104
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	85.112.883.425	85.255.988.247
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.279.086.145.747	1.282.659.202.296
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	677.391.000.000	625.218.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	1.601.695.145.747	657.441.202.296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.759.449.688.433	2.294.561.878.609
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.759.449.688.433	2.294.561.878.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		702.697.070.809	554.816.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		651.681.059.465	492.936.349.641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		152.288.249.641	492.936.349.641
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		499.392.809.824	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.836.500.641.592	4.206.531.679.605

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.571.067.708.425	1.174.995.065.493
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.571.067.708.425	1.174.995.065.493
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	867.853.141.848	644.223.186.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		703.214.566.577	530.771.879.232
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.820.625.193	54.342.387.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	48.648.251.167	54.489.737.958
Trong đó: chi phí lãi vay	23		69.672.862.869	40.535.205.448
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	83.990.454.889	30.247.628.388
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		608.396.485.714	500.376.900.776
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.912.914.440	851.937.855
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.141.313.269	550.304.492
13. Lợi nhuận khác	40		771.601.171	301.633.363
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		609.168.086.885	500.678.534.139
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	109.775.277.061	81.082.845.615
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		499.392.809.824	419.595.688.524
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		609.168.086.885	500.678.534.139
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		243.009.399.846	162.218.965.474
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	13.016.578.248	11.775.256.505
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	2.116.572.482	(101.490.305)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(36.169.360.178)	(51.786.835.662)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	69.672.862.869	40.535.205.448
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		900.814.140.152	663.319.635.599
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		135.781.868.678	92.645.634.959
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.022.990.348	(10.046.345.226)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		125.114.265.256	125.535.386.177
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		51.941.168.972	(24.733.002.838)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(50.728.718.635)	(41.458.463.095)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(112.018.418.436)	(141.735.874.409)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(34.648.104.822)	(12.877.982.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.023.279.191.513	650.648.988.767
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.743.850.027.486)	(831.640.424.734)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9.350.533.706	818.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.000.000.000)	(66.314.550.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		115.914.550.000	55.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(23.516.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.898.661.526	65.518.586.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.650.686.282.254)	(800.134.306.040)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1.416.061.814.338	494.431.210.178
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(331.084.206.483)	(342.549.644.653)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.960.000)	(585.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.084.961.647.855	151.296.365.525
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		457.554.557.114	1.811.048.252
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	131.305.891.161	129.438.097.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		957.028.702	56.745.367
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	589.817.476.977	131.305.891.161

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Vận tải đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng mạnh vào cuối năm.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyễn Cái Mép	Tổ 13 Khu phố Thị Vải, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Bãi Container và Dịch vụ cảng	51,54%	51,54%	51,54%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 81 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí Công ty phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính

14. Trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn), do đó, được kế toán như trái phiếu thường, theo quy định tại Điều 59, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu được phản ánh theo mệnh giá. Công ty không phát sinh các khoản chiết khấu trái phiếu hoặc phụ trội trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	636.908.738	326.671.913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.180.568.239	48.829.219.248
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	330.000.000.000	82.150.000.000
Cộng	<u>589.817.476.977</u>	<u>131.305.891.161</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	418.562.476.376	(978.550.982)	294.138.800.000	(25.961.972.734)
Công ty TNHH Cảng Hải An	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An	139.622.700.000	-	139.622.700.000	(2.445.872.734)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23.516.100.000	-	23.516.100.000	(23.516.100.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	124.423.676.376	(978.550.982)	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	420.057.342.876	(978.550.982)	295.633.666.500	(25.961.972.734)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cảng Hải An		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		50,50%		50,50%
Công ty TNHH Pan Hải An		51,00%		51,00%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		51,00%		51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép (*)	4.638.600	51,54%	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.553.760	36,16%	1.553.760	36,16%

(*) Theo Nghị quyết số 0412-2023/NQ-HĐQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Ngày 31/3/2024, Công ty đã hoàn thành thủ tục nhận chuyển nhượng.

Theo Nghị quyết số 0806-2024/NQ-HĐQT ngày 29/6/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép. Ngày 29/6/2024, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép cho 01 cá nhân với thời hạn thanh toán ban đầu là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Căn cứ Phụ lục hợp đồng mới nhất có hiệu lực, các bên thỏa thuận điều chỉnh thời hạn thanh toán là trong vòng 270 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, với thời hạn thanh toán cuối cùng dự kiến là ngày 26/3/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước. Riêng Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý của Dự án, chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	25.961.972.734	14.186.716.229
Trích lập dự phòng bổ sung	978.550.982	11.775.256.505
Hoàn nhập dự phòng	(25.961.972.734)	-
Số cuối năm	978.550.982	25.961.972.734

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng	2.579.851.171	2.625.625.303
Sử dụng dịch vụ quản lý cảng của Công ty con	68.111.000.000	48.093.148.168
Sử dụng dịch vụ cấp nước ngọt của Công ty con	331.590.000	279.090.000
Sử dụng dịch vụ quản lý tòa nhà của Công ty con	984.000.000	984.000.000
Doanh thu khai thác cảng được Công ty con thu hộ	343.472.562.101	257.098.489.992
Công ty con chia lợi nhuận	25.340.321.896	20.736.098.835
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng	1.199.677.571	1.195.572.041
Doanh thu cho Công ty con thuê tàu	616.674.409.224	325.571.590.805
Giao lại dầu tồn trên tàu cho Công ty con	12.761.731.199	57.250.215.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	8.129.922.048	30.813.486.221
Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ cho Công ty con	8.000.000.000	1.263.636.363
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	67.224.597.280	53.119.607.510
Nhận lại dầu tồn của Công ty con	10.845.430.880	53.507.407.830
Công ty con chia lợi nhuận	-	20.200.000.000
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty con	-	105.913.500.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	53.657.392.447	68.090.023.821
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty con	26.614.900.644	3.099.330.094
Công ty TNHH Pan Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1.494.681.000	1.931.060.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	2.455.763.424	1.421.594.819
Thuê xe nâng của Công ty con	-	1.500.000.000
Lãi cho Công ty con vay	505.680.000	1.166.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		
Góp vốn vào Công ty con	-	23.516.100.000
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng	337.282.002	307.708.786

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho Công ty con thuê tàu	12.681.351.139	61.011.443.534
Giao lại dầu tồn trên tàu cho Công ty con	-	20.486.487.208
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	16.145.568.172	8.082.277.366
Nhận lại dầu tồn của Công ty con	4.033.008.684	13.707.964.619
Cho Công ty con vay	-	36.314.550.000
Lãi cho Công ty con vay	1.787.317.634	633.304.574
Chi hệ Công ty con	-	1.938.648.872
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	304.643.713	247.626.325
Công ty liên kết chia cổ tức	1.553.760.000	2.988.000.000
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết	-	9.885.260.000
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	8.357.231.716	11.492.203.539
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	154.305.107.861	143.933.348.226
Công ty TNHH Cảng Hải An	39.535.842.664	48.868.710.999
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	111.022.213.535	60.336.029.112
Công ty TNHH Pan Hải An	343.880.527	876.169.544
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	-	31.422.556.613
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	130.818.504	49.758.007
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.845.629.101	1.686.932.596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	15.531.600
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	1.388.531.130	677.659.755
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại thành phố Hồ Chí Minh	38.192.400	-
Phải thu các khách hàng khác	11.157.622.431	10.690.228.093
Cộng	165.462.730.292	154.623.576.319
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd. (*)	-	434.925.760.600
Công ty TNHH Thương mại, Vận tải và Du lịch Quốc tế Vitra	4.080.516.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.084.645.294	748.843.899
Cộng	6.165.161.294	435.674.604.499

(*) Tạm ứng cho nhà cung cấp theo giai đoạn cho các hợp đồng đóng mới 03 tàu container tải trọng 1.800 TEU, gồm Hải An Afla, Hải An Beta và Hải An Opus. Tại ngày kết thúc niên độ, các hợp đồng đã hoàn thành và Công ty đã nhận bàn giao tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Pan Hải An – Bên liên quan	-	-	8.600.000.000	-
Ông Lê Phong Hiếu (*)	38.000.000.000	(38.000.000.000)	50.000.000.000	-
Cộng	38.000.000.000	(38.000.000.000)	58.600.000.000	-

- (*) Cho vay Ông Lê Phong Hiếu theo các hợp đồng ký kết từ năm 2020 đến năm 2022, mục đích để bên vay nộp tiền thuế đất 01 lần và thực hiện các thủ tục pháp lý cho cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn cho vay 6 tháng, lãi suất 12%/năm, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Ông Hiếu (gồm 1.136,3 m2 đất thổ cư và 50,8 m2 đất vườn).

Ngày 26/12/2024, Ông Hiếu đã có đơn xin Công ty gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc cho đến khi chuyển nhượng được Dự án cho đối tác thứ ba, đồng thời, xin miễn toàn bộ nợ lãi. Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định trích lập dự phòng 100% đối với số dư cho vay này (xem Thuyết minh V.7).

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	104.202.397.115	-	61.739.498.158	-
Công ty TNHH Cảng Hải An – Phải thu về lợi nhuận được chia	22.438.026.249	-	7.097.704.353	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Phải thu về lợi nhuận BCC	26.614.900.644	-	3.132.933.933	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên - Phải thu về lợi nhuận BCC	55.123.206.032	-	51.369.106.841	-
Các khoản chi hộ bên liên quan	26.264.190	-	139.753.031	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	34.797.791.433	-	203.713.091.111	-
Doanh thu tạm tính (chưa xuất hóa đơn)	170.890.014	-	-	-
Đặt cọc để chuyển nhượng Dự án Lưu Nguyễn Cái Mép ⁽ⁱ⁾	-	-	124.423.676.376	-
Ký cược, ký quỹ	212.257.500	-	141.470.000	-
Tạm ứng	1.385.207.300	-	4.121.500.000	-
Chi phí tổn thất sự cố tàu HaiAn City chờ bồi thường ⁽ⁱⁱ⁾	31.231.275.685	-	73.925.261.495	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.798.160.934	-	1.101.183.240	-
Cộng	139.000.188.548	-	265.452.589.269	-

- (i) Xem thuyết minh V.2b

- (ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu HaiAn City như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212	199.933.564.212
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI tạm ứng tiền bồi thường	(109.742.507.007)	(76.008.302.717)
Thu hồi phí tổn thất chung từ chủ hàng, chủ container theo phân chia từ Tổng đại lý (GA)	(18.639.610.230)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Chi phí tổn thất chung nhận phân chia từ Marine Claims Office Of Asian (MCO) (384.235 USD)	9.679.828.710	-
Số còn lại chờ bồi thường	31.231.275.685	73.925.261.495

Công ty đang tiếp tục làm việc với MCO và Tổng Công ty Bảo hiểm PVI để thu hồi số tiền được bồi thường theo GA.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan về Hợp đồng hợp tác kinh doanh^(*)	150.769.150.000	-	150.769.150.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	80.769.150.000	-	80.769.150.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74.000.000	-	74.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	74.000.000	-
Cộng	150.843.150.000	-	150.843.150.000	-

- (*) Là số phải thu về tiền góp vốn theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) để khai thác tàu. Theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền	Tỷ lệ vốn góp
Góp vốn BCC với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	70.000.000.000	
Để khai thác tàu <i>HAIAN BELL</i>	45.000.000.000	56,25%
Để khai thác tàu <i>HALAN EAST</i>	25.000.000.000	25,00%
Góp vốn BCC với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên để khai thác tàu An Biên Bay	80.769.150.000	31,5%

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ông Lê Phong Hiếu ^(*)	38.000.000.000	(38.000.000.000)	-	-
Các đối tượng khác	-	-	164.833.612	(164.833.612)
Cộng	38.000.000.000	(38.000.000.000)	164.833.612	(164.833.612)

- (*) Theo Nghị quyết số 0501-2025/NQ-HĐQT ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất miễn tiền lãi cho vay Ông Hiếu trong giai đoạn từ ngày 01/04/2023 đến 31/12/2024 và trích lập dự phòng 100% đối với khoản gốc cho vay phải thu theo các hợp đồng cho vay từ năm 2020 đến năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	164.833.612	164.833.612
Trích lập dự phòng bổ sung	38.000.000.000	-
Xử lý xóa nợ	(164.833.612)	-
Số cuối năm	<u>38.000.000.000</u>	<u>164.833.612</u>

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho chủ yếu là nhiên liệu – dầu tồn trên các tàu.

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	4.355.747.742	3.345.066.749
Chi phí dầu nhờn	8.148.424.171	5.194.761.663
Các chi phí khác	600.901.424	635.659.131
Cộng	<u>13.105.073.337</u>	<u>9.175.487.543</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.301.676	73.665.000
Chi phí sửa chữa tài sản	4.370.426.484	10.297.031.352
Chi phí sửa chữa lên đà tàu	42.878.878.458	50.247.700.484
Các chi phí khác	88.296.515	-
Cộng	<u>47.353.903.133</u>	<u>60.618.396.836</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	300.572.380.990	323.906.940.254	2.669.191.489.562	3.301.364.546	20.921.370.354	3.317.893.545.706
Mua trong năm	-	23.589.636.000	1.984.861.182.470	-	-	2.008.450.818.470
Giảm khác do quyết toán	-	-	(4.647.357.902)	-	-	(4.647.357.902)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.476.394.817)	-	(20.843.870.354)	(24.320.265.171)
Số cuối năm	300.572.380.990	347.496.576.254	4.645.928.919.313	3.301.364.546	77.500.000	5.297.376.741.103
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.840.040.640	272.461.599.291	12.596.144.515	775.938.182	77.500.000	334.751.222.628
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161.514.479.363	284.425.065.896	417.489.080.275	1.006.774.089	14.668.209.275	879.103.608.898
Khấu hao trong năm	17.116.758.156	15.491.698.516	273.545.921.814	841.808.772	5.603.191	307.001.790.449
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.303.795.755)	-	(14.596.312.466)	(17.900.108.221)
Số cuối năm	178.631.237.519	299.916.764.412	687.731.206.334	1.848.582.861	77.500.000	1.168.205.291.126
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	139.057.901.627	39.481.874.358	2.251.702.409.287	2.294.590.457	6.253.161.079	2.438.789.936.808
Số cuối năm	121.941.143.471	47.579.811.842	3.958.197.712.979	1.452.781.685	-	4.129.171.449.977
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 4.074.987.162.206 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong năm	-	1.775.000.000	1.775.000.000
Số cuối năm	4.945.015.236	3.371.310.000	8.316.325.236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.596.310.000	1.596.310.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.815.362.621	1.596.310.000	4.411.672.621
Khấu hao trong năm	141.286.152	458.190.098	599.476.250
Số cuối năm	2.956.648.773	2.054.500.098	5.011.148.871
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.129.652.615	-	2.129.652.615
Số cuối năm	1.988.366.463	1.316.809.902	3.305.176.365
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trả trước trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định (*)	11.315.650.857	1.986.980.273.260	(1.986.636.182.470)	(11.659.741.647)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	6.878.973.064	-	(6.969.427.609)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	582.639.070	23.514.143.737	-	(23.977.091.807)	119.691.000
Cộng	11.988.744.472	2.017.373.390.061	(1.986.636.182.470)	(42.606.261.063)	119.691.000

(*) Trong đó, chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị con tàu hoàn thành nhận bàn giao trong năm là 8.140.057.489 VND.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	1.734.748.835	1.075.188.754
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1.734.748.835	1.024.004.638
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	-	51.184.116
Phải trả các nhà cung cấp khác	44.231.798.045	36.309.486.908
Baseblue (Asia) Limited	-	11.874.576.648
Công ty Cổ phần Việt Đức	6.585.714.085	3.836.237.631
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	3.447.764.584	1.652.950.600
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3.532.221.745	3.532.221.745
Các nhà cung cấp khác	30.666.097.631	15.413.500.284
Cộng	45.966.546.880	37.384.675.662

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng nội địa	87.709.664	437.158.079	(408.169.952)	116.697.791
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	53.752.434.838	(53.752.434.838)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	419.875.352	(419.875.352)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.417.326.029	119.369.095.023	(112.018.418.436)	87.768.002.616
Thuế thu nhập cá nhân	1.004.834.914	6.064.340.015	(6.191.056.662)	878.118.267
Tiền thuê đất	-	2.934.092.524	(2.934.092.524)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	376.268.000	(376.268.000)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.813.269.546	(1.813.045.867)	223.679
Cộng	81.509.870.607	185.171.533.377	(177.918.361.631)	88.763.042.353

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2026) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	609.168.086.885	500.678.534.139
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	46.675.398.916	8.576.874.373
- Các khoản điều chỉnh tăng	46.675.398.916	8.576.874.373
Chi phí dự phòng	38.000.000.000	-
Các chi phí khác	8.675.398.916	8.576.874.373
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	655.843.485.801	509.255.408.512
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức, LN được chia)	(26.894.081.896)	(43.924.142.835)
Lỗi các năm trước được chuyển của hợp đồng BCC	(10.137.197.378)	-
Thu nhập tính thuế	618.812.206.527	465.331.265.677
Trong đó:		
Hoạt động khai thác cảng được hưởng ưu đãi	175.662.358.007	115.327.926.915
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	123.762.441.305	93.066.253.136

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(17.566.235.801)</i>	<i>(11.532.792.692)</i>
<i>Thuế TNDN được miễn, giảm</i>	-	<i>(5.766.396.346)</i>
<i>Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước</i>	<i>3.579.071.557</i>	<i>5.315.781.517</i>
Chi phí thuế TNDN	<u>109.775.277.061</u>	<u>81.082.845.615</u>
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên tham gia BCC	30.567.223.045	43.380.101.316
Thuế TNDN bên kiểm soát BCC nộp hộ	<u>(20.973.405.083)</u>	<u>(13.978.839.384)</u>
Tổng thuế TNDN phải nộp	<u>119.369.095.023</u>	<u>110.484.107.547</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê</u>	<u>Mức tiền thuê (m²/năm)</u>
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m ²	36.210 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m ²	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m ²	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)	10.529 m ²	12.630 VND
- Thửa đất số 4 (Đốc đề – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m ²	14.355 D
<u>Cộng</u>	<u>154.152,8 m²</u>	

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	24.040.165.667	5.096.021.433
Chi phí thưởng thuyền viên đội tàu	1.687.750.000	
Chi phí môi giới	414.245.588	
Chi phí khác	-	570.219.882
Cộng	<u>26.142.161.255</u>	<u>5.666.241.315</u>

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	106.067.593.344	146.612.262.319
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	105.527.593.344	146.072.262.319
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	53.657.392.447	68.090.023.821
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	8.357.231.716	11.492.203.539
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	7.487.477.911	5.932.312.746
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	18.968.491.764	34.598.762.976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	17.056.999.506	25.958.959.237
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	540.000.000	540.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	41.814.676.909	23.624.352.120
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	33.968.063.425	20.948.484.834
Nhận đặt cọc	5.000.001.998	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.594.005	2.299.303.652
Kinh phí công đoàn	323.482.579	216.079.755
Cổ tức phải trả	60.885.600	76.845.600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	314.649.302	83.638.279
Cộng	147.882.270.253	170.236.614.439

17b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp theo các Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC"), trong đó, Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Bên kiểm soát và đồng ý để Bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	627.391.000.000	575.218.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	334.513.500.000	334.513.500.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28.325.260.000	28.325.260.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	58.079.240.000	58.079.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	114.273.000.000	62.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	72.200.000.000	72.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	677.391.000.000	625.218.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

	HĐ 66-2019 (tàu Hải An Mind)		HĐ 68-2020 (tàu Hải An View)		HĐ 02-2021 (tàu Hải An West)		HĐ 03-2021 (tàu Hải An City)		HĐ 02-2022 (tàu Hải An Rose)		HĐ 01-2023 (tàu Hải An Alfa)		HĐ 01-2024 (tàu Hải An Onpus)		Tổng cộng
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
<i>Công ty góp</i>	<i>40.000</i>	<i>53,33%</i>	<i>30.000</i>	<i>30,00%</i>	<i>66.000</i>	<i>60,00%</i>	<i>127.000</i>	<i>52,48%</i>	<i>236.000</i>	<i>51,75%</i>	<i>186.298</i>	<i>56,88%</i>	<i>295.647</i>	<i>85,00%</i>	<i>980.945</i>
<i>Các bên khác góp</i>	<i>35.000</i>	<i>46,66%</i>	<i>70.000</i>	<i>70,00%</i>	<i>44.000</i>	<i>40,00%</i>	<i>115.000</i>	<i>47,51%</i>	<i>220.000</i>	<i>48,25%</i>	<i>141.218</i>	<i>43,12%</i>	<i>52.173</i>	<i>15,00%</i>	<i>677.391</i>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	105.914	32,34%	-	-	334.514
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	-	-	28.325
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-	10.000	10,00%	-	-	10.000	4,13%	12.660	2,78%	25.419	7,76%	-	-	58.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	52.173	15%	114.273
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	-	-	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	-	-	20.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-	-	-	-	-	50.000	20,66%	-	-	-	-	-	-	50.000
Cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	327.516	100%	347.820	100%	1.658.336

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	62.000.602.075	59.741.828.002
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱ⁾	62.000.602.075	59.741.828.002
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	319.586.748.099	179.218.191.102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	236.046.678.000	169.155.031.102
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	10.063.160.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	83.540.070.099	-
Cộng	<u>381.587.350.174</u>	<u>238.960.019.104</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, với thời hạn vay tối đa là 04 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	59.741.828.002	179.218.191.102	238.960.019.104
Số tiền vay phát sinh trong năm	145.824.527.158	-	145.824.527.158
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	324.618.318.099	324.618.318.099
Số tiền vay đã trả trong năm	(143.565.753.085)	(184.249.761.102)	(327.815.514.187)
Số cuối năm	<u>62.000.602.075</u>	<u>319.586.748.099</u>	<u>381.587.350.174</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	1.110.175.115.445	657.441.202.296
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	724.960.762.000	652.409.632.296
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	-	5.031.570.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	385.214.353.445	-
Trái phiếu chuyển đổi dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	491.520.030.302	-
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	80.000.000.000	-
Daiwa - Ssiam Vietnam Growth Fund III L.P	113.000.000.000	-
Japan South East Asia Finance Fund III L.P	167.000.000.000	-
Vietnam Growth Investment Fund L.P	140.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(8.479.969.698)	-
Cộng	<u>1.601.695.145.747</u>	<u>657.441.202.296</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

<u>Năm ký hợp đồng</u>	<u>Mục đích vay/Hạn mức</u>	<u>Thời hạn</u>
Năm 2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng
Năm 2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bia (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng
Năm 2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng
Năm 2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng
Năm 2024	Đầu tư Dự án tàu container TORO (Hải An Gama), số tiền 312.500.000.000 VND	60 tháng

Các khoản vay này có thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu, lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam), chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng vay năm 2024 để tài trợ chi phí mua tàu biển 1.800TEU, số tiền cho vay là 414.300.000.000 VND, thời hạn cho vay là 48 tháng.

+ Hợp đồng vay năm 2023 để tài trợ chi phí cho việc bảo trì, nâng cấp và cải tạo Cảng Hải An, số tiền cho vay lên đến 70.600.000.000 VND, thời hạn cho vay là 36 tháng.

Tài sản đảm bảo cho hai hợp đồng là tàu biển hình thành trong tương lai và tàu biển Hai An Mind.

(iii) Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho một số nhà đầu tư để đầu tư đóng tàu mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 0206-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 06 năm 2023. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một lượng cổ phiếu không xác định tại ngày đáo hạn (do phụ thuộc vào giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn). Thông tin chi tiết như sau:

- Thời điểm phát hành : 02/02/2024
- Kỳ hạn gốc : 05 năm
- Ngày đáo hạn : 02/02/2029
- Số lượng trái phiếu phát hành : 500 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND/trái phiếu
- Lãi suất : 6%/năm
- Tài sản đảm bảo : Một tàu biển thuộc sở hữu của Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con của tổ chức phát hành theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển số HP-CON-002314-2 ngày 04/7/2017 do Chi cục hàng hải Việt Nam cấp. Tổ chức phát hành cam kết sử dụng một tàu đóng mới thuộc sở hữu của tổ chức phát hành hình thành trong tương lai, được HAH đặt đóng mới theo Hợp đồng đóng tàu số HC2021-19 ký ngày 04/8/2021 giữa HAH và Huanghai Shipbuilding Co.,Ltd (gọi tắt là Tàu HCY-266) làm tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai để thay thế cho tài sản bảo đảm tại ngày phát hành ngay sau khi tàu HCY-266 đủ điều kiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	319.586.748.099	179.218.191.102
Trên 1 năm đến 5 năm	1.517.165.945.747	530.647.402.296
Trên 5 năm	84.529.200.000	126.793.800.000
Cộng	<u>1.921.281.893.846</u>	<u>836.659.393.398</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Trái phiếu chuyển đổi dài hạn</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	657.441.202.296	-	657.441.202.296
Số tiền vay phát sinh trong năm	780.620.923.544	489.616.363.636	1.270.237.287.180
Số tiền vay đã trả trong năm	(3.268.692.296)	-	(3.268.692.296)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(324.618.318.099)	-	(324.618.318.099)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	1.903.666.666	1.903.666.666
Số cuối năm	<u>1.110.175.115.445</u>	<u>491.520.030.302</u>	<u>1.601.695.145.747</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	51.189.743.813	19.717.000.000	(22.772.904.822)	48.133.838.991
Quỹ Hội đồng quản trị	34.066.244.434	14.788.000.000	(11.875.200.000)	36.979.044.434
Cộng	<u>85.255.988.247</u>	<u>34.505.000.000</u>	<u>(34.648.104.822)</u>	<u>85.112.883.425</u>

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	703.446.670.000	191.640.648.159	352.405.070.809	674.702.801.117	1.922.195.190.085
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	351.722.140.000	-	-	(351.722.140.000)	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	419.595.688.524	419.595.688.524
Trích lập các quỹ	-	-	202.411.000.000	(249.640.000.000)	(47.229.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>1.055.168.810.000</u>	<u>191.640.648.159</u>	<u>554.816.070.809</u>	<u>492.936.349.641</u>	<u>2.294.561.878.609</u>
Số dư đầu năm nay	1.055.168.810.000	191.640.648.159	554.816.070.809	492.936.349.641	2.294.561.878.609
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	499.392.809.824	499.392.809.824
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	158.262.100.000	-	-	(158.262.100.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	147.881.000.000	(182.386.000.000)	(34.505.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>1.213.430.910.000</u>	<u>191.640.648.159</u>	<u>702.697.070.809</u>	<u>651.681.059.465</u>	<u>2.759.449.688.433</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Chủ sở hữu	1.213.430.910.000	1.055.168.810.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.640.648.159	191.640.648.159
Cộng	<u>1.405.071.558.159</u>	<u>1.246.809.458.159</u>

20c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	121.343.091	105.516.881
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	121.343.091	105.516.881

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 0204-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế)	: 147.881.000.000
• Trích quỹ hội đồng quản trị (3% lợi nhuận sau thuế)	: 14.788.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (4% lợi nhuận sau thuế)	: 19.717.000.000

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 cũng đã thông qua quyết định trả cổ tức năm 2023 là 15% cổ tức bằng cổ phiếu.

Ngày 06/5/2024, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 0205-2024/NQ-HĐQT thông qua việc tiến hành các thủ tục để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Theo Văn bản số 4079/UBCK-QLCB ngày 01/7/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã nhận được tài liệu báo cáo Báo cáo Kết quả số 1706-2024/BC-HAH ngày 27/6/2024 về việc Công ty đã hoàn thành việc phát hành 15.826.210 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 05/7/2024 về việc tăng vốn điều lệ.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.484.491.573	3.484.491.573
Trên 1 năm đến 5 năm	13.937.966.292	13.937.966.292
Trên 5 năm	32.869.987.256	36.354.478.829
Cộng	<u>50.292.445.121</u>	<u>53.776.936.694</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê tổng diện tích đất 154.152,8 m² do Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động (xem thuyết minh số V.14).

21b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	7.115.591,66	528.620,77
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	1.060.249.436.531	783.804.142.327
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	452.636.411.444	320.829.169.605
Doanh thu hoạt động khác	58.181.860.450	70.361.753.561
Cộng	1.571.067.708.425	1.174.995.065.493

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	7.605.717.447	6.149.644.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	175.558.775	176.421.989
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	277.611.946	757.535.195
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	3.385.648.037	2.482.644.890
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	111.016.668	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	592.734.759.552	423.354.689.617
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	241.953.329.903	173.028.792.356
Giá vốn của hoạt động khác	33.165.052.393	47.839.704.288
Cộng	867.853.141.848	644.223.186.261

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.374.369.591	3.593.268.494
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	694.934.984	82.397.542
Lãi tiền cho vay	2.970.531.935	3.982.592.246
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.894.081.896	43.924.142.835
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.886.706.787	2.658.496.468
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	101.490.305
Cộng	37.820.625.193	54.342.387.890

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	69.672.862.869	40.535.205.448
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	468.917.920	2.179.276.005
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.373.319.648	-
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(24.983.421.752)	11.775.256.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.116.572.482	-
Cộng	<u>48.648.251.167</u>	<u>54.489.737.958</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.315.730.820	17.615.165.278
Chi phí vật liệu quản lý	388.628.370	434.434.028
Chi phí đồ dùng văn phòng	17.054.544	92.621.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.502.006.064	947.732.212
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	38.000.000.000	-
Thuế, phí và lệ phí	79.590.358	76.064.892
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.724.532.440	3.037.394.893
Các chi phí khác	17.962.912.293	8.044.215.430
Cộng	<u>83.990.454.889</u>	<u>30.247.628.388</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.930.376.756	286.832.087
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	445.454.545
Thu nhập khác	982.537.684	119.651.223
Cộng	<u>3.912.914.440</u>	<u>851.937.855</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt lĩnh vực hành chính	-	196.233.417
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.806.740.226	81.775.110
Chi phí khác	1.334.573.043	272.295.965
Cộng	<u>3.141.313.269</u>	<u>550.304.492</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	194.542.576.976	144.276.514.407
Chi phí nhân công	107.876.555.873	73.984.311.342
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.009.399.846	162.218.965.474
Chi phí dịch vụ mua ngoài	251.353.617.425	191.096.324.149
Chi phí khác	155.061.446.617	102.894.699.277
Cộng	<u>951.843.596.737</u>	<u>674.470.814.649</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	307.601.266.699	207.531.252.957
Chi phí khấu hao Công ty phân chia cho các đơn vị tham gia BCC	(99.698.171.339)	(78.012.819.095)
Chi phí khấu hao nhận phân chia từ Bên kiểm soát BCC	35.106.304.486	32.700.531.612
Cộng	<u>243.009.399.846</u>	<u>162.218.965.474</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay					
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	1.810.269.966	1.628.224.000	120.000.000	3.558.493.966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT	-	90.000.000	120.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT /Tổng Giám đốc	1.405.640.691	1.417.710.900	120.000.000	2.943.351.591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT /Phó Tổng Giám đốc	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT	-	50.000.000	120.000.000	170.000.000
Ông Lê Anh Minh	Thành viên HĐQT (Từ 26/4/2024)	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (Đến 26/4/2024)	-	50.000.000	100.000.000	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	947.715.935	742.257.000	-	1.689.972.935
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	60.000.000	176.089.000	60.000.000	296.089.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	37.000.000	60.000.000	97.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS (Từ 26/4/2024)	-	-	10.000.000	10.000.000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS (Đến 26/4/2024)	-	18.000.000	50.000.000	68.000.000
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	732.418.411	698.357.923	-	1.430.776.334
Cộng (*)		<u>4.956.045.003</u>	<u>5.007.638.823</u>	<u>1.020.000.000</u>	<u>10.983.683.826</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm trước					
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT (từ 20/6/2023) Thành viên HĐQT/ TGDĐ (đến 20/6/2023)	1.537.720.000	1.126.867.406	120.000.000	2.784.587.406
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT (đến 20/6/2023)	1.658.904.615	2.355.945.940	120.000.000	4.134.850.555
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT	-	290.000.000	120.000.000	410.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc (từ 20/6/2023) Phó Tổng Giám đốc (đến 20/6/2023)	608.050.000	698.690.600	120.000.000	1.426.740.600
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT (từ 20/6/2023) Phó Tổng Giám đốc	-	100.000.000	-	100.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT (đến 20/6/2023)	-	290.000.000	120.000.000	410.000.000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT (đến 20/6/2023)	-	290.000.000	120.000.000	410.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	-	104.000.000	60.000.000	164.000.000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS	-	66.000.000	60.000.000	126.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS (đến 20/6/2023)	-	66.000.000	60.000.000	126.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	924.570.000	455.690.609	-	1.380.260.609
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	643.531.489	327.354.088	-	970.885.577
Cộng		5.372.776.104	6.170.548.643	900.000.000	12.443.324.747

(*) Công ty trình bày thù lao thành viên quản lý chủ chốt theo số thực chi. Các thành viên quản lý chủ chốt mới được bổ nhiệm trong năm 2024 sẽ được chi trả thù lao vào năm 2025.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vận tải HAFT	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn/ Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Con Cưng	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác kho lạnh DKP	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan	-	1.435.000
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan	-	25.419.240.000
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	7.487.477.911	5.932.312.746
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ bên liên quan	6.910.600.553	4.955.601.286
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	858.621.802	919.276.294
Nhận lợi nhuận BCC từ bên liên quan	55.981.827.834	52.288.383.135
Vay bên liên quan	-	25.000.000.000
Lãi vay phải trả bên liên quan	-	287.671.233
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Bên liên quan cho thuê văn phòng	2.651.018.731	2.601.851.790
Nhận vốn góp BCC từ bên liên quan	52.173.000.000	
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	25.319.206.273	34.598.762.976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	17.056.999.506	25.958.959.237
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng của bên liên quan	128.181.831	130.909.098
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
Chia lợi nhuận BCC cho bên liên quan	2.147.594.005	2.299.303.652

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.13 và V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.060.249.436.531	452.636.411.444	58.181.860.450	1.571.067.708.425
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.060.249.436.531	452.636.411.444	58.181.860.450	1.571.067.708.425
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	467.514.676.979	210.683.081.541	25.016.808.057	703.214.566.577
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(83.990.454.889)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				619.224.111.688
Doanh thu hoạt động tài chính				37.820.625.193
Chi phí tài chính				(48.648.251.167)
Thu nhập khác				3.912.914.440
Chi phí khác				(3.141.313.269)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(109.775.277.061)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN				499.392.809.824
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.007.288.409.723	25.019.565.125	176.593.031	2.032.484.567.879
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	312.229.555.639	28.772.166.041	3.897.788.131	344.899.509.811
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	783.804.142.327	320.829.169.605	70.361.753.561	1.174.995.065.493
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	783.804.142.327	320.829.169.605	70.361.753.561	1.174.995.065.493
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	360.449.452.710	147.800.377.249	22.522.049.273	530.771.879.232
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(30.247.628.388)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				500.524.250.844
Doanh thu hoạt động tài chính				54.342.387.890
Chi phí tài chính				(54.489.737.958)
Thu nhập khác				851.937.855
Chi phí khác				(550.304.492)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(81.082.845.615)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế TNDN				419.595.688.524
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	697.999.407.618	55.035.434.544	3.127.890.000	756.162.732.162
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	207.325.001.501	27.767.835.448	5.659.963.376	240.752.800.325
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác tàu	Hoạt động khai thác cảng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.235.884.315.421	345.365.369.670	131.265.189.320	4.712.514.874.411
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1.123.985.767.181
Tổng tài sản				5.836.500.641.592
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.789.613.151.005	63.605.121.265	35.655.813.425	2.888.874.085.695
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				188.176.867.464
Tổng nợ phải trả				3.077.050.953.159
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.142.069.109.987	218.922.628.295	156.440.654.936	3.517.432.393.218
Tài sản phân bổ cho bộ phận				-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				689.099.286.387
Tổng tài sản				4.206.531.679.605
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.622.454.608.368	33.356.751.530	81.240.464.284	1.737.051.824.182
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				174.917.976.814
Tổng nợ phải trả				1.911.969.800.996

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 24/01/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua các Nghị quyết bao gồm:

- Nghị quyết số 0201-2025/NQ-HĐQT về việc tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Cảng Hải An - Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, với số vốn tăng từ 30 tỷ VND lên 100 tỷ VND;
- Nghị quyết số 0301-2025/NQ-HĐQT về việc Công ty TNHH Cảng Hải An nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An từ ông Vũ Ngọc Sơn. Theo đó, sau khi hoàn tất việc nhận chuyển nhượng, Công ty TNHH Cảng Hải An sẽ sở hữu phần vốn góp tương đương 75% vốn điều lệ Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Cảng Hải An đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ và nhận chuyển nhượng phần vốn góp tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An.

Ngày 03/02/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 0202-2025/NQ-HĐQT về việc mua tàu ATOUT theo Hợp đồng mua bán ngày 16/01/2025, giá mua 19,500,000 USD. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tiến hành hoàn thiện thủ tục nhận bàn giao tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu



Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

